

TẬP A-HÀM QUYỂN 9

KINH 230. TAM-DI-LY-ĐỀ (1)<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Con mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc. Đó gọi là thế gian. Vì sao? Vì sáu nhập xứ tập khởi nên xúc tập khởi, như vậy cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng tập khởi.

“Này Tam-di-ly-đề, nếu không có con mắt kia, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc và không có cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên ý xúc, thì không có thế gian, cũng không thi thiết thế gian<sup>2</sup>. Vì sao? Vì sáu nhập xứ diệt nên xúc diệt, cho đến thuần một tụ khổ lớn cũng diệt.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thế gian, chúng sanh, cũng được thuyết như vậy.

M

---

<sup>1</sup>. Pāli, S. 35. 65-68. Samiddhi.

<sup>2</sup>. Thi thiết thế gian -I-]-@—A giả thiết hay khái niệm về thế gian. Pāli: lokapaññatti.

### KINH 231. TAM-DI-LY-ĐỀ (2)<sup>3</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gọi là thế gian. Vậy, thế nào gọi là thế gian?”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Mong manh tan vỡ<sup>4</sup>, đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh tan vỡ?<sup>5</sup>

“Này Tam-di-ly-đề, mắt là pháp mong manh tan vỡ. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều mong manh tan vỡ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó là nói rằng vì nó mong manh tan vỡ cho nên gọi là thế gian.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 232. KHÔNG<sup>6</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-di-ly-đề, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nói rằng ‘Thế gian trống không<sup>7</sup>.’ Vậy, thế nào

<sup>3</sup>. Pāli, xem kinh 230; tham chiếu, S. 35. 82. Loka.

<sup>4</sup>. Nguy thuy bại hoại →M—→a→R mong manh, giòn, dễ tan vỡ. Pāli: lujjati; xem cht.5 dưới.

<sup>5</sup>. Pāli, S. 35. 82. Loka, câu này Phật trả lời cho một Tỳ-kheo (aññataro bhikkhu): lujjati ‘ti kho, bhikkhu, tamsā lokoti vuccati, nó bị tan vỡ, do đó nó được gọi là thế gian. Theo định nghĩa này, danh từ loka (thế gian) là do gốc động từ lujjati (tan vỡ, vì quá giòn, hay mong manh).

<sup>6</sup>. Pāli, S. 35. 65-85. Suñña.

gọi là ‘Thế gian trống không?’”

Phật bảo Tam-di-ly-đề:

“Mắt là không; pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không; ngã sở là không<sup>8</sup>. Vì sao? Vì tánh của nó tự là như vậy. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng cũng không, pháp thường trú, vĩnh hằng, không biến dịch là không, ngã sở là không. Vì sao? Vì tánh của nó tự như vậy. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đó gọi là thế gian không.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 233. THẾ GIAN<sup>9</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về thế gian, về sự tập khởi của thế gian, về sự diệt tận thế gian, về con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Thế nào là thế gian? Đó là sáu nội nhập xứ. Những gì là sáu? Nhãn nội nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội nhập xứ.

“Thế nào là sự tập khởi thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia<sup>10</sup>.

“Thế nào là sự diệt tận thế gian? Đó là tham ái đối hữu tương lai, đi đôi với tham và hỷ, ước vọng tái sanh chỗ này chỗ kia, đã được đoạn trừ không dư tàn, đã xả bỏ, đã nhả ra, đã dứt sạch, đã ly dục, tịch

---

7. Hán: thế gian không ㄟ— . Pāli: suñño loko. Trong bản Pāli, câu hỏi này do Ānanda.

8. Pāli, S. 35. 85: cakkhum suññaṃ attena vā attaniyena vā, con mắt trống không, không ngã hay ngã sở.

9. Pāli, S. 35. 107. Loka.

10. Đường lai hữu ái ㄟ——R-F Pāli: taṇhā ponobhavikā, khát ái về đời sống tương lai, khát vọng tồn tại đời sau.

diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận? Là tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 234. THẾ GIAN BIÊN<sup>11</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới<sup>12</sup>. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.”

Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, thì bấy giờ có số đông Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

“Đức Thế Tôn vừa rồi đã tóm lược nói pháp là: ‘Ta không nói là có người đi đến tận cùng biên tế của thế giới. Ta cũng không nói là không đi đến tận cùng biên tế của thế giới mà có thể cứu cánh tận cùng biên tế của khổ.’ Ngài nói như vậy rồi vào thất thiền định. Nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Ở trong các vị, ai là người có thể vì chúng ta nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó không?”

Lại nói:

“Chỉ có Tôn giả A-nan là người thông minh, trí tuệ ghi nhớ tất cả; thường theo hầu bên cạnh Thế Tôn và được Thế Tôn và các vị phạm hạnh có trí khen ngợi là đa văn, có thể vì chúng ta mà nói đầy đủ ý nghĩa bài pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tóm lược đó. Chúng ta

<sup>11</sup>. Pāli, S. 35. 116. Lokakāmaguṇa (phẩm chất dục lạc của thế gian).

<sup>12</sup>. Pāli: nāhaṃ, bhikkhave, gamanena lokassa antaṃ nāteyyaṃ, datṭheyyaṃ, patteyyanti vadāmi, Ta không nói rằng, do đi mà có thể đến và thấy và biết tận cùng biên tế của thế giới.

hãy đi đến chỗ Tôn giả A-nan nhờ Tôn giả giải thích.”

Rồi thì, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thăm hỏi nhau rồi ngồi qua một bên, đem hết mọi chuyện trên hỏi Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các Tôn giả mà nói. Hoặc là thế gian, hoặc là danh của thế gian, giác của thế gian, ngôn từ của thế gian, ngữ thuyết của thế gian, tất cả những thứ này đều thuộc vào số mục của thế gian<sup>13</sup>. Thưa các Tôn giả, mắt là thế gian, là danh của thế gian, là giác của thế gian, là ngôn từ của thế gian, là ngữ thuyết của thế gian, tất cả chúng đều thuộc vào số mục của thế gian. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu nhập xứ phải biết như thật về sự tập khởi, về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại, về sự xuất ly của chúng. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử đã đến chỗ tận cùng của thế giới, biết được thế gian và sức nặng của thế gian<sup>14</sup> và vượt qua khỏi thế gian.”

Bấy giờ Tôn giả A-nan lại nói kệ:

*Chẳng phải do bước đi,  
Mà đến bờ thế giới.  
Không đến bờ thế giới,  
Thì không thoát khỏi khổ.  
Cho nên Đức Mâu-ni,  
Là Đấng Biết Thế Gian<sup>15</sup>,  
Đã đến bờ thế giới,  
Các phạm hạnh đã lập.  
Bờ thế giới chỉ có  
Chánh trí mới biết rõ.  
Giác tuệ đạt thế gian,  
Nên nói vượt bờ kia.*

“Như vậy các Tôn giả, vừa rồi Đức Thế Tôn đã tóm lược bài

---

<sup>13</sup>. Pāli: yena āvuso lokasmiṃ lokasaññī hoti lokamānī – ayam vuccati ariyassa vinaye loko, cái mà do bởi nó người có khái niệm về thế gian, có suy tưởng về thế gian, cái đó trong Thánh pháp luật được gọi là thế gian (= thế giới).

<sup>14</sup>. Thế gian sở trọng —@——.

<sup>15</sup>. Trí Thế Gian —@—A tức Thế Gian Giải, một trong mười hiệu của Phật.

pháp, rồi vào thất thiền định. Nay tôi vì các Tôn giả phân biệt nói đầy đủ.”

Khi Tôn giả A-nan nói bài pháp này rồi, số đông các Tỳ-kheo nghe những lời nói xong, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 235. CẬN TRỤ<sup>16</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc. Không thầy, không đệ tử gần gũi, là an lạc đối với đời sống cô độc<sup>17</sup>. Thế nào là có thầy, có đệ tử gần gũi, là khổ đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra các niệm tưởng ác bất thiện<sup>18</sup> câu hữu với tham, nhuế, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, thì gọi là có thầy<sup>19</sup>; nếu trụ vào bên cạnh đó thì gọi là đệ tử gần gũi<sup>20</sup>. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

“Như vậy nói là có thầy, có đệ tử gần gũi, thì thường khổ đối với đời sống cô độc.

“Thế nào là không thầy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc? Duyên vào mắt thấy sắc, sanh ra niệm ác bất thiện câu hữu với tham, nhuế, si, mà Tỳ-kheo này không hành theo,

<sup>16</sup>. Cận trụ ———A đây hiểu là nội trú: đệ tử hầu cạnh thầy. Pāli, S. 35. 150. Antevāsī.

<sup>17</sup>. Pāli: santevāsiko, bhikkhave, bhikkhu sācariyako dukkhaṃ na phāsu viharati. Anantevāsiko, bhikkhave, bhikkhu anācariyako sukhaṃ phāsu viharati, Tỳ-kheo có đệ tử nội trú, có thầy, sống không thoải mái. Tỳ-kheo không đệ tử nội trú, không thầy, sống an lạc.

<sup>18</sup>. Ác bất thiện giác -c——— . Pāli: pāpakā akusalā dhammā sarasaṅkappā saṃyojanīyā, các pháp ác bất thiện được tưởng nhớ, được ước vọng, dẫn đến sự trói buộc.

<sup>19</sup>. Hán: hữu sư —v . Pāli: sācariyako, người có thầy: samudācaranti naṃ pāpakā akusalā dhammāti, tasmā sācariyakoti vuccati, các pháp ác bất thiện dẫn nó đi, nên nó được nói là người có thầy.

<sup>20</sup>. Hán: cận trụ đệ tử ———l . Pāli: antevāsa, đệ tử nội trú.

đó gọi là không thấy. Nếu không nương vào đó mà trụ thì gọi là không đệ tử gần gũi. Đó gọi là không thấy, không đệ tử gần gũi, thường an lạc đối với đời sống cô độc.

“Nếu Tỳ-kheo nào, không thấy, không đệ tử gần gũi, thì Ta nói người này phước phạm hạnh. Vì sao? Tỳ-kheo không thấy, không đệ tử gần gũi, thì Tỳ-kheo ấy đã kiến lập phạm hạnh ở nơi Ta, có khả năng chân chánh diệt tận khổ, cứu cánh biên tế khổ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 236. THANH TỊNH KHẮT THỰC TRỤ<sup>21</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong; cầm tọa cụ vào trong rừng, tọa thiền nghỉ trưa. Sau khi tọa thiền xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Người từ đâu lại?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Bạch Thế Tôn, con từ chỗ tọa thiền nghỉ trưa ở trong rừng lại.”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Hôm nay người nhập vào thiền nào mà an trú?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Hôm nay con ở trong rừng, nhập an trú thiền Không tam-muội<sup>22</sup>.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, hôm nay người đã nhập

<sup>21</sup>. An trú nơi sự thanh tịnh của khất thực; sống với sự khất thực thanh tịnh. Pāli, M. 151. Piṇḍapātapārisuddhi-sutta, Cf. N<sup>o</sup>125 (45.6).

<sup>22</sup>. Pāli: suññatāvihārena kho ahaṃ bhante etarahi bahulaṃ vihārāmī ti, bạch Thế Tôn, ở đây con phần nhiều an trú bằng sự an trú nơi không tánh.

thiền trú bậc thượng tọa mà tọa thiền<sup>23</sup>. Nếu các Tỳ-kheo nào, muốn nhập thiền thượng tọa, thì phải học như vậy:

“Khi vào thành, khi đi khát thực, hoặc lúc ra khỏi thành, thì phải tư duy như thế này: ‘Hôm nay mắt ta thấy sắc, có khởi lên dục, ái, ái lạc, niệm tưởng, đắm nhiễm không?’ Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo quán sát như vậy, nếu nhãn thức đối với sắc mà có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này vì để đoạn ác bất thiện nên phải phát khởi quyết ý tinh cần, có khả năng buộc chặt ý niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu và áo, vì muốn dập tắt hết lửa, nên phải phát khởi nỗ lực quyết tâm để dập tắt lửa. Tỳ-kheo này lại cũng phải như vậy, phải phát khởi quyết ý tinh cần, buộc chặt ý niệm để tu học.

“Nếu Tỳ-kheo khi quán sát, hoặc ở giữa đường, hoặc đi khát thực ở trong làng xóm, hoặc đi ra khỏi làng xóm, ngay trong lúc đó mà nhãn thức đối với sắc không có ái niệm, đắm nhiễm, thì Tỳ-kheo này ước nguyện bằng thiện căn hỷ lạc này, ngày đêm tinh cần cột niệm tu tập. Đó gọi là Tỳ-kheo đi, đứng, ngồi, nằm, với sự khát thực đã được thanh tịnh. Cho nên kinh này gọi là Thanh tịnh khát thực trụ.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

### KINH 237. TỖ-XÁ-LY<sup>24</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có gia chủ tên là Úc-cù-lũ<sup>25</sup> đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Vì sao có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này?”

Phật bảo gia chủ:

---

<sup>23</sup>. Pāli: mahāpurisavihāro eso, sārīputta, yadidaṃ suññaṃ, đây là sự an trụ của bậc Đại nhân, này Sariputta, đó là an trụ không.

<sup>24</sup>. Pāli, S. 35. 124. Vesālī.

<sup>25</sup>. Úc-cù-lũ ——— . Pāli: Ugga (Úc-già).



“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà có ái niệm, đắm nhiễm; do ái niệm, đắm nhiễm, thường y trên thức và bị nó trói buộc, bị nó giữ chặt, nên không thể nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà không ái niệm, đắm nhiễm; vì không có ái niệm, đắm nhiễm nên không y trên thức. Vì không bị xúc, không bị dính mắc, không bị chấp thủ, nên các Tỳ-kheo này nhập Niết-bàn ngay trong đời hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

“Cho nên, này gia chủ, có Tỳ-kheo nhập Niết-bàn ngay trong đời này và có Tỳ-kheo không nhập Niết-bàn ngay trong đời này.”

Như kinh Gia chủ hỏi, kinh A-nan hỏi và kinh Phật vì các Tỳ-kheo mà nói, cũng dạy như trên vậy.

M

KINH 238. NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, vì nhân gì, duyên gì mà nhãn thức sanh? Và vì nhân gì duyên gì mà tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức sanh?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Vì mắt do duyên sắc nên nhãn thức sanh. Vì sao? Khi nhãn thức sanh, là do tất cả mắt và sắc làm nhân duyên. Tai và âm thanh làm nhân duyên, mũi và hương làm nhân duyên, lưỡi và vị làm nhân duyên; ý và pháp làm nhân duyên nên ý thức sanh. Vì sao? Vì những gì là ý thức, tất cả chúng đều do ý và pháp làm nhân duyên sanh ra.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên sanh ra nhãn thức, cho đến do nhân duyên sanh ra ý thức.”

Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

## KINH 239. KẾT<sup>26</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp bị kết buộc và pháp kết buộc<sup>27</sup>.”

“Thế nào là pháp bị kết sử trói buộc? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị kết sử trói buộc.

“Thế nào là pháp kết sử? Là dục tham<sup>28</sup>. Đó gọi là pháp kết sử.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

## KINH 240. THỦ<sup>29</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hâu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ.

“Thế nào là pháp bị chấp thủ? Là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là pháp bị chấp thủ.

“Thế nào là pháp chấp thủ? Là dục tham. Đó gọi là pháp chấp thủ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

---

<sup>26</sup>. Kết —A hay kết sử —A chỉ sự trói buộc của phiền não. Pāli, S.35. 109, 122. Saṃyojana.

<sup>27</sup>. Kết sử hệ pháp, kết pháp —k—k—A pháp bị trói buộc bởi kết sử và kết sử. Pāli: saṃyojaniye dhamme, saṃyojanam.

<sup>28</sup>. Dục tham —g . Pāli: chandarāgo.

<sup>29</sup>. Pāli, S. 35. 110, 123. Upādāna.

KINH 241. THIÊU NHIỆT<sup>30</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên cạnh ao Di hầu tại Tỳ-da-ly. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, thà dùng lửa đốt cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình, khiến cho nó cháy thiêu, chứ không để nhãn thức chấp vào sắc tướng mà chấp thủ hình dáng tốt đẹp. Vì sao? Vì chấp vào sắc tướng, chấp thủ những hình ảnh tốt đẹp, nên bị rơi vào đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà nung đỏ dùi sắt đem dùi lỗ tai mình còn hơn là dùng nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay. Vì sao? Vì nhĩ thức chấp vào âm thanh mà chấp thủ tiếng hay, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt mũi mình đi, còn hơn là dùng tỷ thức chấp vào mùi mà chấp thủ hương thơm. Vì sao? Vì chấp vào hương mà chấp thủ mùi thơm, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng lưỡi dao bén cắt đứt lưỡi mình đi, còn hơn là dùng thiệt thức chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon. Vì sao? Vì chấp vào vị mà chấp thủ vị ngon, thì khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Phàm phu ngu si, không học, thà dùng thanh sắt cứng, cây giáo mũi nhọn đâm vào thân thể mình, còn hơn là dùng thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái. Vì sao? Vì chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì khi thân hoại mạng chung, sẽ rơi vào trong đường ác, như hòn sắt bị chìm.

“Này các Tỳ-kheo, ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng

---

<sup>30</sup>. Thiêu nhiệt -N—A hay xí nhiên -K-U-R rục cháy; ngon lửa đang bùng cháy. Pāli, S. 35. 194. Ādittena.

sống của người ngu, không lợi, không phước<sup>31</sup>. Nhưng này các Tỳ-kheo, thà nên mê ngủ còn hơn là đối với sắc kia mà khởi lên giác tưởng<sup>32</sup>. Nếu khởi lên giác tưởng ấy sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, có thể khiến cho mọi người đưa đến việc làm phi nghĩa, không mang lại lợi ích và an lạc cho trời người<sup>33</sup>.

“Đa văn Thánh đệ tử kia nên phải học như vậy: ‘Nay ta thà nung đỏ cây thương bằng sắt đem đâm vào con mắt, còn hơn là dùng nhãn thức để chạy theo sắc tướng thì chắc chắn sẽ bị rơi vào ba đường ác phải chịu khổ lâu dài. Từ hôm nay, ta phải tư duy chân chánh, quán sát mắt là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhãn xúc, tất cả chúng đều là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh. Đối với tai, mũi lưỡi, thân nhập xứ, cũng phải học như vậy. Thà dùng cây thương sắt đâm thủng thân mình, còn hơn là đem thân thức chấp vào sự xúc chạm mà chấp thủ cảm giác xúc chạm êm ái, thì sẽ rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta phải tư duy đúng, quán sát thân là pháp hữu vi vô thường, tâm duyên sanh. Hoặc xúc, thân thức, thân xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên thân xúc, chúng cũng là vô thường, hữu vi, là pháp tâm duyên để sanh.’

“Đa văn Thánh đệ tử nên học như vậy: ‘Ham ngủ là sinh hoạt của người ngu, là mạng sống của người không lợi, không phước. Ta không ham ngủ, cũng không khởi giác tưởng. Nếu khởi giác tưởng thì sẽ sanh ra triền phược, tranh tụng, khiến cho mọi người làm những việc phi nghĩa, không lợi ích, không đem lại an lạc.’

“Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ và phi

---

<sup>31</sup>. Pāli: sottaṃ kho... vañjhaṃ jīvitānaṃ... aphalaṃ jīvitānaṃ... momūhaṃ jīvitānaṃ vadāmi: ngủ, Ta nói là sự không sanh sản của sinh mạng, là sự không kết trái của sinh mạng, là sự ngu mê của sinh mạng.

<sup>32</sup>. Pāli: na tveva tathārupe vitakke vitakkeyya, không tư duy tầm cầu những tư duy tầm cầu.

<sup>33</sup>. Bản Pāli: (...) saṅghaṃ bhindeyya, còn có thể khiến phá hòa hợp Tăng.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khổ phi lạc thọ được cảm thọ bên trong phát sanh bởi nhân duyên nhân xúc, đối với chúng cũng sanh ra nhàm tởm. Do nhàm tởm nên không yêu thích; vì không yêu thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M